

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **41/2023/HSST**
Ngày: 15/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ Thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Bình**

Các Hội Thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Duy Khải**

Bà Trần Thị Thanh Miên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Giáp** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ Thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2023/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn T, sinh năm 1972 tại Hải Dương; HKTT và chỗ ở: Thôn 02, xã Long B, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Lê Văn G, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1937; Vợ là bà Lê Thị H, sinh năm 1979 và 03 người con, con lớn N sinh năm 1998, con nhỏ N sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

2. Họ và tên: Trịnh Văn H, sinh năm 1973 tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: Thôn 01, xã Long B, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Trịnh Văn S, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1934 (đã chết); Vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 và có 02 người con sinh năm 1999 và sinh

năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

3. Họ và tên: Lê Đức T, sinh năm 1980 tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: Thôn 01, xã Long B, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Lê Đức K, sinh năm 1933 (Đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1938 (Đã chết); Vợ là bà Đỗ Thị T, sinh năm 1984 (Đã chết) và 02 người con sinh năm 2004 và sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

4. Họ và tên: Trần Viết S, sinh năm 1977 tại Thanh Hóa; Nơi thường trú: 125/15 khu phố Bình Phước B, phường Bình C, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương; Nơi ở hiện nay: Tổ 9, khu phố Chiêu L, phường Tân Đông H, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Thành S, sinh năm 1945 và bà Tống Thị L, sinh năm 1946; Vợ là bà Trần Thị N, sinh năm 1975 và 01 người con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

5. Họ và tên: Trịnh Đăng T, sinh năm 1971 tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: Thôn 01, xã Long B, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trịnh Đăng T, sinh năm 1938 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1942; Vợ là bà Lê Thị H, sinh năm 1975 và 02 người con sinh năm 1994 và sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

6. Họ và tên: Hoàng Trọng N, sinh năm 1981 tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: Thôn 01, xã Long B, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Hoàng Trọng B, sinh năm 1948 (Đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1950; Vợ là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 và 03 người con, lớn N sinh năm 2004, con nhỏ N sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

7. Họ và tên: **Lê Đức T (Tên gọi khác: C)**, sinh năm 1976 tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: Thôn 01, xã Long B, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Lê Đức S, sinh năm 1955 (Đã chết) và bà Hà Thị V, sinh năm 1955; Vợ là bà Lê Thị L, sinh năm 1984 và 02 người con sinh năm 2005 và sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức T, Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H, Lê Văn T, Trần Viết S là bạn bè quen biết với nhau.

Vào khoảng 20 giờ ngày 27/01/2023, T, H, N, Th đến nhà Tình tại thôn 1, xã Long B, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước chơi và ngồi uống nước trà tại bộ bàn ghế gỗ ở phòng khách của nhà của Tình. Tại đây, thấy dưới bàn uống nước có 01 bộ bài tây gồm 52 lá bài nên T, H, N, Th, Tình rủ nhau chơi đánh bạc dưới hình thức “cào liêng” thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Hình thức đánh bạc như sau: một người sẽ đứng ra chia bài theo vòng tròn (gọi là cái), mỗi ván một người chơi sẽ được chia 03 lá bài và đặt cược xuống chiếu bạc số tiền thấp N ban đầu là 20.000 đồng (gọi là tiền đường), số tiền đặt cược cao N là 100.000 đồng. Mỗi người chơi sẽ căn cứ vào bài của mình cao hay thấp để đặt cược thêm tiền (tố), hoặc không tố thì sẽ úp bài xuống để bỏ bài và mất số tiền đã đặt cược theo thứ tự từ người chia bài đến những người được chia tiếp theo. Trường hợp người được chia bài sau cái không xem bài mà đặt thêm (ảm tẩy) thì người tiếp theo muốn tố phải đặt gấp đôi. Sau khi đặt cược xong thì sẽ so bài với nhau để xác định thắng thua. Bài cao N là ba cào tức là có ba lá bài giống nhau, thứ tự tăng dần từ ba lá 2 đến ba lá A. Bài cao thứ hai là Liêng tức là có ba lá liên tiếp nhau, thứ tự tăng dần từ A, 2, 3 đến Q, K, A; nếu hai người có bài Liêng giống nhau thì chia tiền chứ không so chất (bài chào). Bài cao thứ ba là ba tiên tức là có ba lá bài gồm các lá J, Q, K; nếu hai người đều có bài ba tiên thì so thứ tự quân bài thấp đến cao từ J đến Q, K; nếu hai người có bài ba tiên giống nhau thì chia tiền chứ không so chất (bài chào). Nếu không có bài ba cào, liêng, ba tiên thì tính điểm 03 lá bài được chia như sau: lá bài A tính là 01 điểm; lá bài 10, J, Q, K tính là 0 điểm; cộng 03 lá bài lại lấy số dư tăng

dần từ 0 đến 9 để xác định thắng thua; nếu hai người có điểm giống nhau thì chia tiền chứ không so chất (bài chào). Ván bài chào các bị can quy định 05 người chơi đặt tiền đường mỗi người 100.000 đồng xuống chiếu bạc và số tiền tố là 20.000đ đến 200.000 đồng.

Khi các bị cáo đang đánh bạc thì S và T cũng đến nhà Tình chơi rồi sau đó tham gia đánh bạc cùng với T, H, N, Th, Tình.

Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 28/01/2023, khi các đối tượng trên đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an xã Long B phối hợp với Công an huyện Phú R tiến hành kiểm tra, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các đối tượng trên và thu giữ tang vật gồm:

+ Thu giữ tại chiếu bạc: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và số tiền 12.440.000đ.

+ Thu giữ trên người Hoàng Trọng N: số tiền 4.420.000đ và 01 điện thoại OPPO màu xanh.

+ Thu giữ của Lê Văn T: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 màu vàng Gold.

+ Thu giữ của TrầnViết S: 01 điện thoại ViVo màu xanh

+ Thu giữ của Trịnh Đăng T: 01 điện thoại OPPO màu đen;

Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và trên người người đối tượng là 16.860.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

+ T mang theo số tiền 1.200.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, khi bị bắt T thua số tiền 140.000 đồng;

+ Tình mang theo số tiền 1.600.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc và bị thua hết;

+ N mang theo số tiền 7.800.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc và không xác định được thắng hay thua;

+ T mang theo số tiền 2.100.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc và bị thua 1.000.000 đồng;

+ Th mang theo số tiền 2.800.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc và không xác định được thắng hay thua;

+ S mang theo số tiền 500.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc và bị thua hết;

+ H mang theo số tiền 860.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc và không xác định được thắng hay thua;

Như vậy, tổng số tiền các bị can sử dụng vào mục đích đánh bạc là 16.860.000đ, gồm: Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 12.440.000 đồng và số tiền thu giữ trên người bị can N trong quá trình điều tra chứng minh được bị can sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc là 4.420.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 26/CTr-VKS ngày 17/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Trịnh Đăng T, Lê Đức T, Lê Văn T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H và Trần Viết S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Lê Đức T, Lê Văn T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H và Trần Viết S phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Đức T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt bị cáo Lê Đức T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng N mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn H mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt bị cáo Trần Viết S mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 ; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trịnh Đăng T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bổ sung các bị cáo Lê Đức T, Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H, Lê Văn T và Trần Viết S mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như trên và các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về T quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản phạm tội quả tang, các tài liệu chứng cứ, vật chứng của vụ án, nên có đủ căn cứ xác định: Do mục đích tư lợi cá nhân, muốn kiếm tiền bất chính nên vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 27/01/2023, tại nhà của bị cáo Lê Đức T thuộc thôn 01, xã Long B, huyện Phú R, các bị cáo Lê Đức T, Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H, Lê Văn T và Trần Viết S đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức “cào liêng” thắng thua bằng tiền thì bị Công an huyện Phú R phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 16.860.000 đồng. (Mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng)

Hành vi của các bị cáo Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Lê Đức T, Lê Văn T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H và Trần Viết S thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng và là nguyên nhân gây nên các tội phạm khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm mục đích thu lợi cho bản thân. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đến nhà của bị cáo Trịnh Văn T để chơi và uống trà sau đó cùng nhau

tham gia đánh bạc, trong vụ án này không xác định được người khởi xướng, rủ rê mà các bị cáo cùng nhau vào tham gia đánh bạc. Các bị cáo đều là đồng phạm của nhau.

Với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Lê Đức T, Lê Văn T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H và Trần Viết S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, các bị cáo không phải đánh bạc chuyên nghiệp mà chỉ là N thời phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ phần hình phạt theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trịnh Đăng T còn có thành tích xuất sắc trong công tác đây là tình tiết giảm nhẹ phần hình phạt theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội ít nguy hiểm có thể tự cải tạo bản thân để trở thành công dân tốt cho xã hội, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo N thời phạm tội và phạm tội không có tính chuyên nghiệp, các bị cáo không sử dụng số tiền đánh bạc làm nguồn thu nhập chính nên không khấu trừ phần thu nhập đối với các bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 16.860.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc và thu giữ trên người N là số tiền các bị can sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ các bị can sử dụng để đánh bạc, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại OPPO màu xanh; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 màu vàng Gold; 01 điện thoại ViVo màu xanh; 01 điện thoại OPPO màu đen thu giữ của Hoàng Trọng N; Lê Văn T; Trần Viết S và Trịnh Đăng T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của các bị can, không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Công an huyện Phú R đã ra QĐ xử lý vật chứng và trả lại cho N, T, S và Th là đúng quy định nên HĐXX không xem xét

[6] Về án phí hình sự sơ T: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đức T, Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H, Lê Văn T và Trần Viết S phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng N 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính

từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Trần Viết S 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trịnh Đăng T 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 28/01/2023 đến ngày 05/02/2023 quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lê Đức T, Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H, Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Long B, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Trần Viết S cho Ủy ban nhân dân phường Tân Đông H, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo vì các bị cáo N thời phạm tội, số tiền mà sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, các bị cáo không sử dụng số tiền đánh bạc làm nguồn thu nhập chính.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự:

Xử phạt các bị cáo Lê Đức T, Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H, Lê Văn T và Trần Viết S mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào Ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 16.860.000đ đồng (Mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Phú R và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú R)

3. Về án phí hình sự sơ T: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết án phí, lệ phí các bị cáo Lê Đức T, Lê Đức T, Trịnh Đăng T, Hoàng Trọng N, Trịnh Văn H, Lê Văn T và Trần Viết S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú R;
- Chi cục THADS huyện Phú R;
- CA huyện Phú R;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bình